

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Số: 54 /2014/TT-BNNPTNT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2014

THÔNG TƯ

**QUY ĐỊNH VỀ CÔNG NHẬN CÁC TIÊU CHUẨN THỰC HÀNH NÔNG NGHIỆP TỐT
KHÁC CHO ÁP DỤNG ĐỂ ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TRONG NÔNG
NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN**

Căn cứ Nghị định 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Cục trưởng Cục Trồng trọt, Cục trưởng Cục Chăn nuôi;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về công nhận các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt khác cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định điều kiện, trình tự công nhận các tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt khác trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ tại Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (sau đây viết tắt là Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg).

2. Đối với tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt khác mà Việt Nam là thành viên không phải thực hiện trình tự công nhận theo quy định tại Thông tư này; tổ chức, cá nhân khi áp dụng sẽ được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định của Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công nhận tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt khác cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Thực hành nông nghiệp tốt* là tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm tập hợp các tiêu chí do tổ chức, quốc gia, khu vực ban hành hướng dẫn người sản xuất áp dụng nhằm bảo đảm chất lượng, an

toàn thực phẩm; truy xuất nguồn gốc sản phẩm; bảo vệ môi trường; sức khỏe, an sinh xã hội cho người lao động (sau đây viết tắt là GAP - Good Agricultural Practices);

2. Công nhận GAP khác cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ (sau đây viết tắt là công nhận GAP khác) là việc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá, xác nhận GAP khác đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 5 của Thông tư này; tổ chức, cá nhân khi áp dụng sẽ được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định của Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg.

Điều 4. Cơ quan tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký công nhận GAP khác

1. Tổng cục Thủy sản là cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký công nhận GAP khác lĩnh vực thủy sản.
2. Tổng cục Lâm nghiệp là cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký công nhận GAP khác lĩnh vực lâm nghiệp.
3. Cục Trồng trọt là cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký công nhận GAP khác lĩnh vực trồng trọt.
4. Cục Chăn nuôi là cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký công nhận GAP khác lĩnh vực chăn nuôi.

Chương II

CÔNG NHẬN GAP KHÁC

Điều 5. Điều kiện công nhận GAP khác

GAP khác được công nhận phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Do tổ chức trong nước, tổ chức quốc tế, quốc gia, khu vực hoặc vùng lãnh thổ ngoài Việt Nam ban hành (sau đây viết tắt là Tổ chức ban hành GAP khác).
2. Có các tiêu chí theo quy định tại Phụ lục I đối với lĩnh vực thủy sản, Phụ lục II đối với lĩnh vực lâm nghiệp và trồng trọt, Phụ lục III đối với lĩnh vực chăn nuôi.
3. Có quy định về chứng nhận sản phẩm được sản xuất theo GAP khác đó.

Điều 6. Đăng ký công nhận GAP khác

Một trong các tổ chức, cá nhân dưới đây có quyền gửi hồ sơ đăng ký công nhận GAP khác:

1. Tổ chức ban hành GAP khác.
2. Tổ chức đại diện tại Việt Nam của tổ chức quy định tại Khoản 1 Điều này.
3. Tổ chức, cá nhân được tổ chức quy định tại Khoản 1 Điều này ủy quyền.

Điều 7. Hồ sơ đăng ký công nhận GAP khác

1. Tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 6 Thông tư này gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đăng ký công nhận GAP khác tới Tổng cục, Cục chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

2. Thành phần hồ sơ gồm:

a) Giấy đăng ký công nhận GAP khác theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

- b) Giấy ủy quyền đối với tổ chức, cá nhân quy định tại Khoản 3 Điều 6 của Thông tư này;
- c) Bản sao chứng thực văn bản ban hành GAP khác hoặc bản sao mang theo bản chính để đối chiếu; trường hợp bản chính bằng tiếng nước ngoài thì nộp bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực;
- d) Bản sao chứng thực phiên bản mới nhất của GAP khác hoặc bản sao mang theo bản chính để đối chiếu; trường hợp bản chính bằng tiếng nước ngoài thì nộp bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực;
- đ) Bản sao chứng thực quy định về chứng nhận GAP khác hoặc bản sao mang theo bản chính để đối chiếu; trường hợp bản chính bằng tiếng nước ngoài thì nộp bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực;
- e) Danh sách các tổ chức chứng nhận GAP khác đang hoạt động tại Việt Nam gồm tên gọi, địa chỉ, điện thoại, fax, email kèm theo bản sao Giấy ủy quyền hoặc công nhận được hoạt động chứng nhận tại Việt Nam.

Điều 8. Trình tự, thời gian giải quyết

1. Trường hợp nộp trực tiếp, Tổng cục, Cục chuyên ngành trả lời ngay về tính hợp lệ của hồ sơ; trường hợp nộp qua đường bưu điện thì trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Tổng cục, Cục chuyên ngành thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký công nhận GAP khác chỉnh sửa hoặc bổ sung.

2. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Tổng cục, Cục chuyên ngành thành lập Hội đồng đánh giá từ 3 đến 5 người, có đại diện Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tiến hành đánh giá hồ sơ đăng ký.

Hội đồng đánh giá sự phù hợp giữa các tiêu chí của GAP khác so với các quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này tương ứng với từng lĩnh vực.

Trường hợp Hội đồng đánh giá kết luận chưa đủ điều kiện công nhận, trong vòng 03 ngày làm việc sau khi có Biên bản họp của Hội đồng đánh giá, Tổng cục, Cục chuyên ngành xem xét, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trường hợp Hội đồng đánh giá kết luận đủ điều kiện công nhận, trong thời hạn 05 ngày làm việc Tổng cục, Cục chuyên ngành xem xét, gửi hồ sơ đề nghị công nhận GAP khác tới Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường để thẩm tra trước khi trình Bộ trưởng, hồ sơ bao gồm:

- a) Dự thảo tờ trình Bộ trưởng, trong đó nêu rõ: sự cần thiết, quá trình thực hiện, tóm tắt kết quả đánh giá, đề nghị công nhận GAP khác;
- b) Báo cáo thẩm định của Tổng cục, Cục chuyên ngành;
- c) Hồ sơ đăng ký công nhận GAP khác theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này;
- d) Dự thảo Quyết định công nhận GAP khác.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có văn bản thẩm tra gửi Tổng cục, Cục chuyên ngành.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản thẩm tra của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Tổng cục, Cục chuyên ngành trình Bộ trưởng xem xét, công nhận GAP khác. Trường hợp không công nhận, Tổng cục, Cục chuyên ngành có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ký quyết định công nhận, Tổng cục, Cục chuyên ngành thông báo công khai trên Website của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Website của đơn vị mình và thông báo tới các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Tổng cục Thủy sản, Tổng cục Lâm nghiệp, Cục Trồng trọt, Cục Chăn nuôi theo lĩnh vực được phân công có trách nhiệm:

- a) Tiếp nhận, đánh giá hồ sơ, trình Bộ trưởng ký Quyết định công nhận cho áp dụng GAP khác để được hưởng chính sách hỗ trợ khi đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này;
- b) Tổng hợp tình hình áp dụng, thực hiện chính sách hỗ trợ đối với các GAP khác; tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng.

2. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ đề nghị công nhận GAP khác của Tổng cục, Cục chuyên ngành.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm cập nhật các GAP khác được công nhận cho áp dụng tại Việt Nam để làm căn cứ hỗ trợ các cơ sở sản xuất áp dụng GAP khác tại địa phương.

4. Tổ chức ban hành GAP khác hoặc tổ chức, cá nhân là đại diện GAP khác tại Việt Nam:

- a) Thực hiện các quy định tại Thông tư này và các văn bản pháp luật có liên quan;
- b) Báo cáo Tổng cục, Cục chuyên ngành mọi thay đổi về nội dung của GAP khác; quy định chứng nhận GAP khác; danh sách các tổ chức chứng nhận GAP khác hoạt động tại Việt Nam;
- c) Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm gửi báo cáo kết quả áp dụng GAP khác và việc thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg cho Tổng cục, Cục chuyên ngành.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **12** tháng **02** năm 2015.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Tổng cục Thủy sản, Tổng cục Lâm nghiệp, Cục Trồng trọt, Cục Chăn nuôi) để nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp ./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- UBND, Sở NN & PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tổng cục Thủy sản;
- Tổng cục Lâm nghiệp;
- Vụ KHCN&MT; Vụ PC; Cục Chăn nuôi;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo;

Cao Đức Phát

- Website Chính phủ;
- Website Bộ NN & PTNT;
- Lưu VT, Cục Trồng trọt.

PHỤ LỤC I

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ GAP KHÁC LĨNH VỰC THỦY SẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 54 /2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Văn bản quy định
1.	Địa điểm sản xuất nuôi trồng thủy sản.	- Cơ sở nuôi phải nằm trong vùng quy hoạch nuôi trồng thủy sản của địa phương - Nơi nuôi phải được xây dựng ở những nơi ít bị ảnh hưởng bởi ô nhiễm.	- Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính Phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản. - QCVN 01-80 :2011/BNNPTNT Quy chuẩn cơ sở nuôi trồng thủy sản – Điều kiện đảm bảo vệ sinh thú y.
2.	Chất lượng nước nuôi trồng thủy sản.	Nước sử dụng cho nuôi trồng thủy sản phải phù hợp với từng đối tượng nuôi cụ thể.	- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN số 38/2011/BTNMT. - QCVN 01-80 :2011/BNNPTNT: Quy chuẩn cơ sở nuôi trồng thủy sản – Điều kiện đảm bảo vệ sinh thú y. - Thông tư số 22/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện nuôi thủy sản (Thông tư số 22/2014/TT-BNNPTNT).
3.	Giống thủy sản.	Giống có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo chất lượng theo QCVN, TCVN tương ứng.	- Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/05/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quản lý giống thủy sản, - Thông tư số 71/2011/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia lĩnh vực Thú y - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02 - 15 :2009/BNNPTNT: Cơ sở sản xuất giống thủy sản - Điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm, an toàn sinh học và môi trường.
4.	Thức ăn, thuốc, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường.	- Cơ sở nuôi chỉ sử dụng thuốc, thức ăn, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường được phép lưu hành tại Việt Nam. - Thức ăn đảm bảo theo TCVN.	- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-14 :2009/BNNPTNT: Cơ sở sản xuất thức ăn công nghiệp nuôi thủy sản - Điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm, vệ sinh thú y và bảo vệ môi trường. - Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày